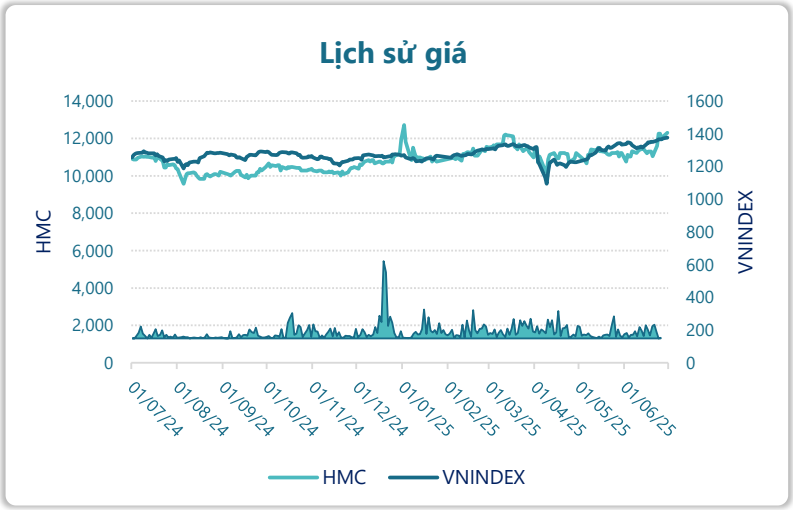
FireAnt

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HSX: HMC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,715
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,572
SL cổ phiếu LH	27,299,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,335
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	336
P/E	10.0
EPS	1,225

DT thuần

Q2/25

1,422

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 228| 19.1%

YoY: ▲ 348| 32.4%

LN sau thuế

Q2/25

9.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.06| 13.3%

YoY: ▲ 3.44| 61.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.4%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

6T 2025

2,616

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 713| 37.5%

LN sau thuế

6T 2025

17.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.79| 84.8%

ROE

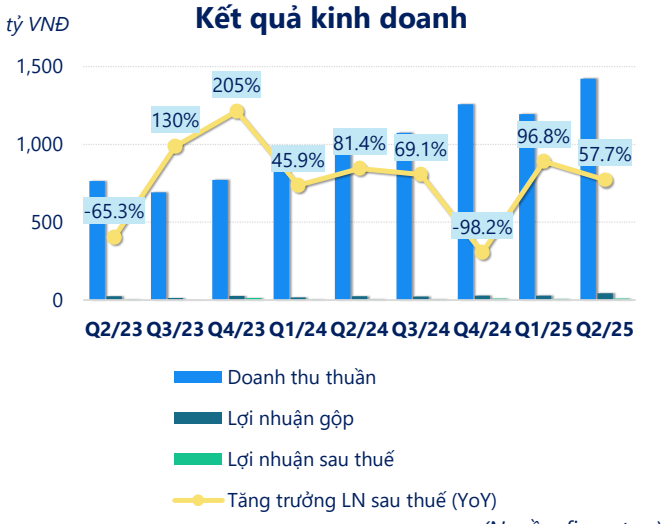
Q2/25

8.3%

+/- YoY: ▲ 2.0%

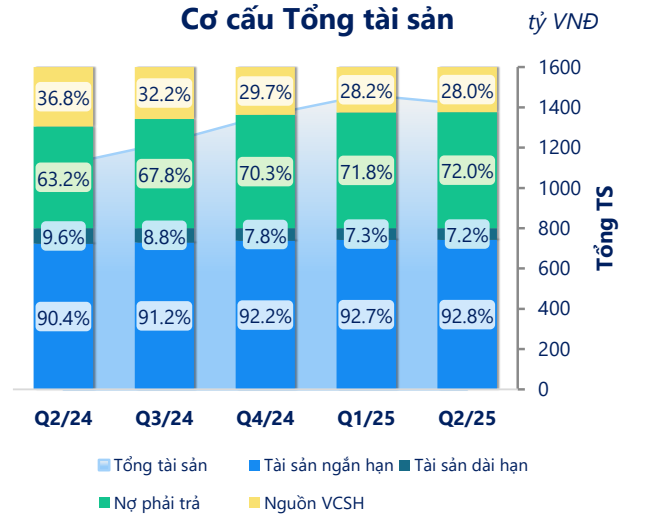
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



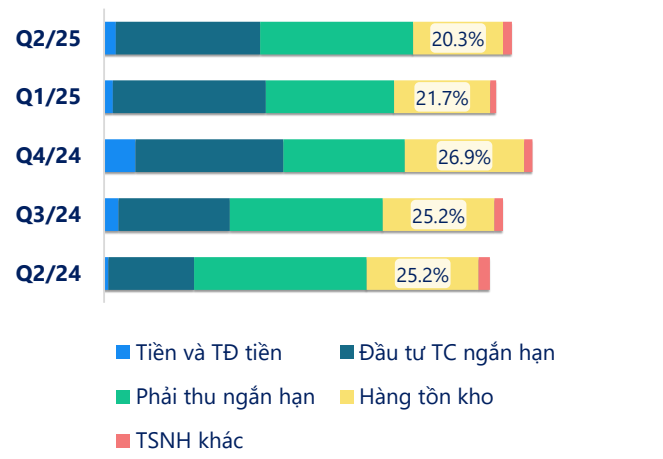
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



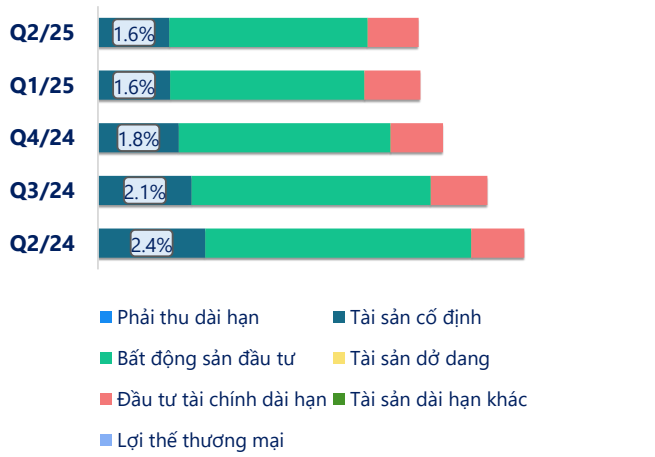
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



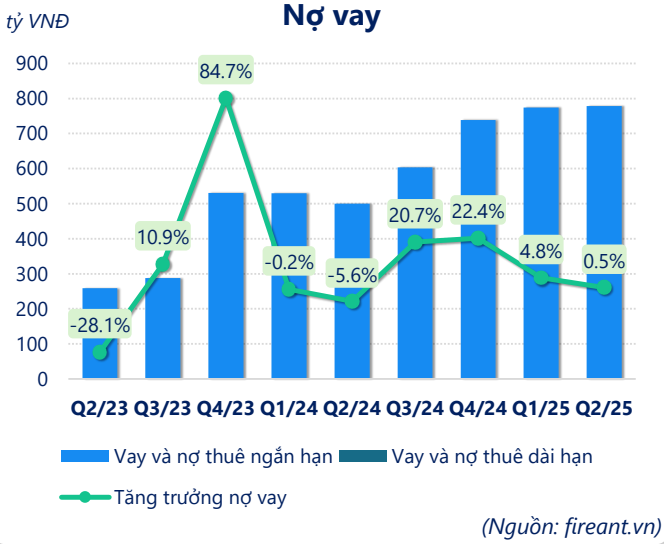
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



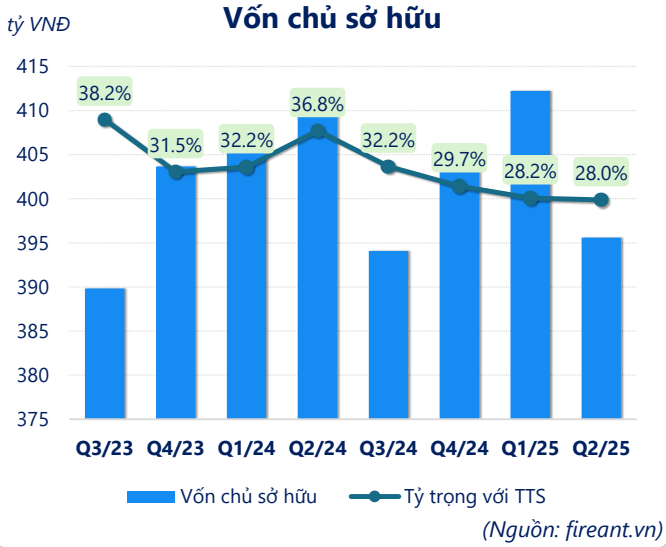
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



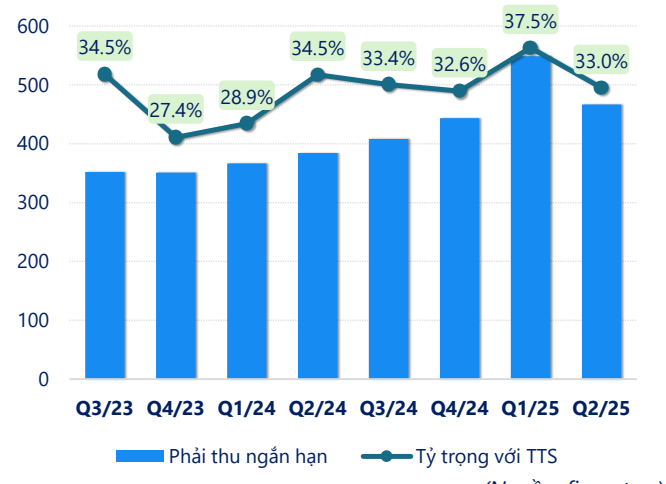
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



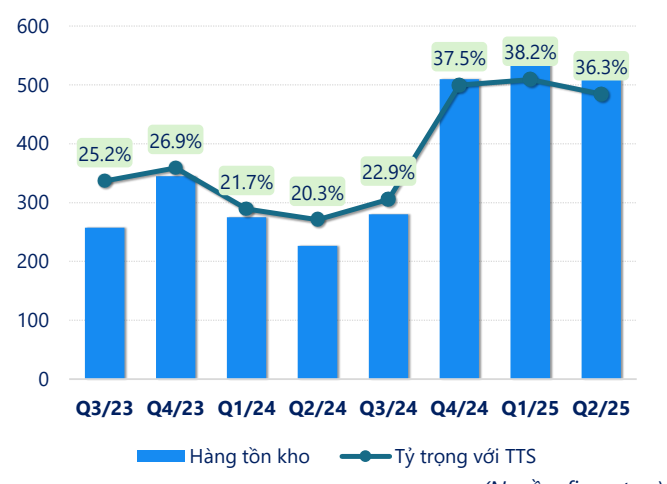
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



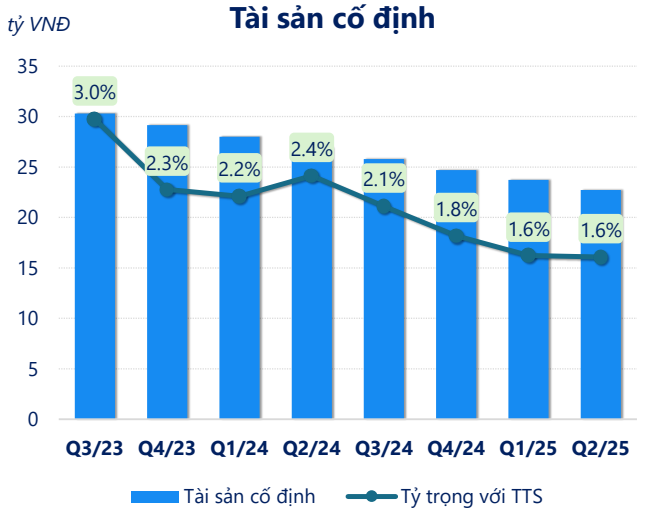
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



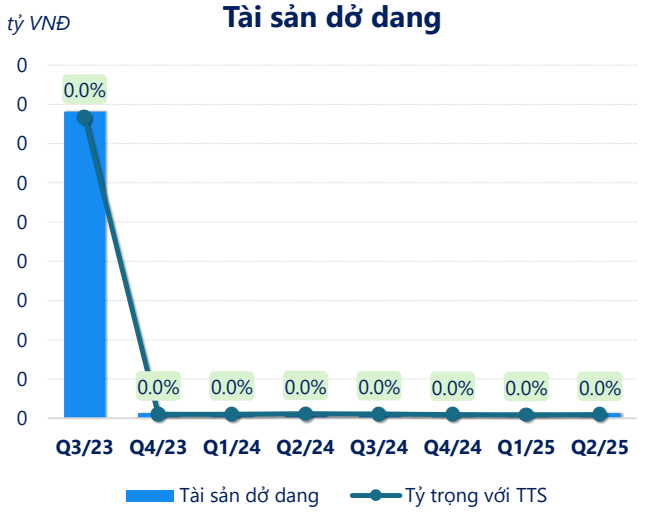
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



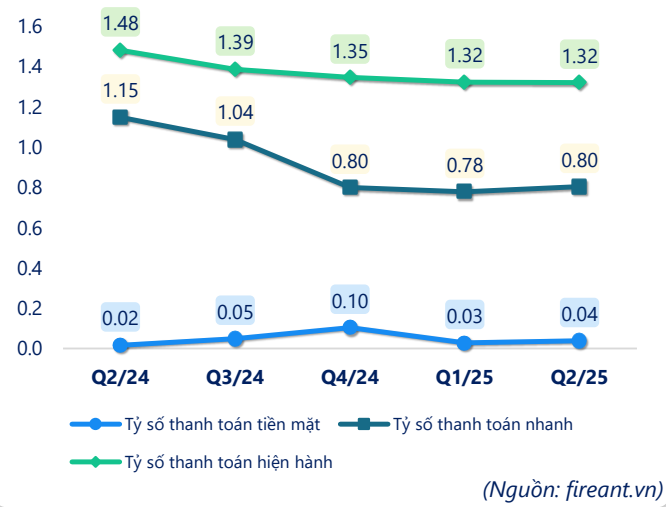
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



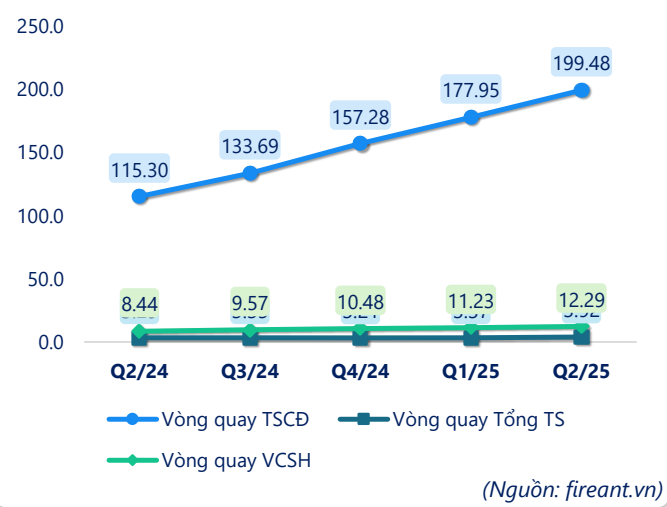
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,114**	**1,222**	**1,360**	**1,462**	**1,414**
Tài sản ngắn hạn	**1,007**	**1,115**	**1,254**	**1,355**	**1,312**
Tiền và tương đương tiền	10.7	39.5	96.6	28.8	37.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	363	370	173	187	259
Phải thu ngắn hạn	384	408	444	549	467
Hàng tồn kho	226	280	510	558	514
Tài sản ngắn hạn khác	22.4	17.7	31.5	32.8	34.8
Tài sản dài hạn	**107**	**107**	**106**	**106**	**102**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Tài sản cố định	26.9	25.8	24.7	23.7	22.7
Bất động sản đầu tư	66.9	66.0	65.1	64.2	63.3
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Đầu tư tài chính dài hạn	13.3	15.6	16.0	18.4	16.3
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**704**	**828**	**955**	**1,049**	**1,018**
Nợ ngắn hạn	**679**	**804**	**931**	**1,024**	**993**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	500	603	739	774	778
Phải trả người bán ngắn hạn	144	158	169	214	133
Nợ dài hạn	24.7	24.2	24.2	25.2	25.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**410**	**394**	**404**	**412**	**396**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**394**	**404**	**412**	**396**
Vốn điều lệ	273	273	273	273	273
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)